

TÀI LIỆU ÔN TẬP KIỂM TRA GIỮA KÌ II MÔN SINH HỌC 11

NĂM HỌC 2025 - 2026

BÀI 14- KHÁI QUÁT CẢM ỨNG Ở SINH VẬT

I. Câu hỏi trắc nghiệm nhiều lựa chọn

1. Mức độ nhận biết

Câu 1. Sự tiếp nhận và phản ứng của sinh vật đối với những thay đổi của môi trường trong và ngoài, đảm bảo cho sinh vật thích ứng với môi trường sống được gọi là.

- A. Cảm ứng. B. Phản ứng. C. Thích ứng. D. Trả lời.

Câu 2. Vai trò của cảm ứng đối với sinh vật là

- A. đảm bảo cho sinh vật tồn tại và phát triển B. là đặc điểm thích ứng của sinh vật khi môi trường không biến đổi
C. giúp sinh vật sinh sản nhanh D. động vật và thực vật tránh được kẻ thù

Câu 3. Bộ phận nào không tham gia cơ chế cảm ứng ở sinh vật?

- A. tiếp nhận kích thích. B. Dẫn truyền thông tin kích thích
C. xử lý thông tin và đáp ứng D. các tuyến nội tiết

Câu 4. Ở động vật cảm ứng được thực hiện thông qua

- A. cung phản xạ. B. hệ dẫn truyền C. các phản ứng D. hệ nội tiết

Câu 5. Ở động vật bộ phận xử lý thông tin trong cơ chế cảm ứng là

- A. trung ương thần kinh B. hệ thần kinh và tuyến nội tiết
C. dây thần kinh cảm giác D. các tế bào tiếp nhận thông tin

Câu 6: Cơ chế của cảm ứng có các giai đoạn nào?

- A. Thu nhận kích thích → dẫn truyền kích thích → lưu trữ thông tin → trả lời kích thích
B. Thu nhận kích thích → dẫn truyền kích thích → nhân đôi thông tin → trả lời kích thích
C. Thu nhận kích thích → dẫn truyền kích thích → xử lý thông tin → trả lời kích thích
D. Thu nhận kích thích → bảo quản kích thích → xử lý thông tin → trả lời kích thích

Câu 7: Đặc điểm cảm ứng ở thực vật là?

- A. Xảy ra nhanh, dễ nhận thấy B. Xảy ra chậm, khó nhận thấy
C. Xảy ra nhanh, khó nhận thấy D. Xảy ra chậm, dễ nhận thấy

2. Mức độ hiểu

Câu 1. Đặc điểm nào sau đây không có trong cảm ứng ở động vật?

- A. Tốc độ nhanh và đa dạng
B. tính chính xác tính chính xác cảm ứng thay đổi tùy thuộc vào bộ phận phụ trách cảm ứng
C. Thực hiện theo cung phản xạ
D. Diễn ra chậm khó nhận thấy

Câu 2. Cảm ứng ở động vật và thực vật giống nhau ở đặc điểm

- A. thành phần các bộ phận tham gia cơ chế cảm ứng B. cơ quan tham gia bộ phận tiếp nhận kích thích
C. cơ quan tham gia xử lý thông tin D. cơ quan đáp ứng

Câu 3. Nội dung nào sau đây **sai** khi nói về cảm ứng ở sinh vật?

- A. Ở thực vật thông tin kích thích được truyền qua tế bào chất để bộ phận xử lý thông tin
B. Động vật có hệ thần kinh, cảm ứng thực hiện qua cung phản xạ.
C. Tốc độ, khả năng nhận biết cảm ứng ở động vật khác thực vật
D. Tất cả cảm ứng ở sinh vật đều có sự liên quan đến xung thần kinh.

Câu 5: Cho ví dụ sau: Khi đặt chậu cây bên trong cửa sổ, sau một thời gian thấy ngọn cây vươn ra phía ngoài cửa sổ. Đây là ví dụ mô tả quá trình nào của thực vật?

- A. Quang hợp. B. Hô hấp C. Thoát hơi nước. D. Cảm ứng.

Câu 6: Đặc điểm khác nhau giữa cảm ứng động vật và cảm ứng thực vật là

- A. cảm ứng ở động vật nhanh hơn và khó nhận thấy hơn cảm ứng ở thực vật.
B. hình thức phản ứng ở động vật đa dạng hơn nhưng kém chính xác hơn ở thực vật.
C. cảm ứng ở động vật nhanh hơn, dễ nhận thấy hơn, còn cảm ứng ở thực vật chậm hơn, khó nhận thấy hơn.
D. hình thức phản ứng ở thực vật nhẹ nhàng và yếu ớt hơn ở động vật.

3. Mức độ vận dụng

Câu 1: Đây là hiện tượng cảm ứng ở sinh vật?

- (1) Cây con hướng về phía có ánh sáng. (2) Rễ cây hướng về phía có nguồn nước sạch.
(3) Cây nho leo trên giàn cao (4) Em dừng xe khi thấy đèn đỏ.
(5) Em làm bài tập về nhà

- A. (1), (2), (3), (4) B. (1), (2), (3), (5) C. (1), (2), (4), (5) D. (2), (3), (4), (5)

Câu 2. Quan sát hình ảnh sau và cho biết các thực vật trong hình có đặc điểm chung là gì?



A. Kích thích gây cảm ứng là ánh sáng B. đều là cảm ứng, phản ứng diễn ra chậm khó phát hiện.

C. Phản ứng rất dễ nhận ra vì có sự thay đổi trạng thái của bộ phận D. Cảm ứng không có sự phân chia tế bào.

Câu 3. Để hoa đào nở nhanh để kịp ngày Tết, người nông dân thường dùng nước ấm 40 - 50 0C tưới quanh gốc với tần suất 5 - 6 lần mỗi ngày. Tác nhân nào kích thích hiện tượng nở hoa ở cây đào?

A. Nhiệt độ. B. Ánh sáng. C. Độ ẩm. D. Chất dinh dưỡng.

II. Câu hỏi đúng sai:

1. Mức độ nhận biết:

Câu 1. Làm giàn khi trồng các cây dây leo như bầu, bí,... dựa trên cơ sở là hướng tiếp xúc. Mỗi nhận định sau đây là đúng hay sai về cơ sở của sự uốn cong trong hướng tiếp xúc:

a) Do sự sinh trưởng không đều của hai phía cơ quan, trong khi đó các tế bào tại phía không được tiếp xúc sinh trưởng nhanh hơn làm cho cơ quan uốn cong về phía tiếp xúc. (Đ)

b) Do sự sinh trưởng đều của hai phía cơ quan, trong khi đó các tế bào tại phía không được tiếp xúc sinh trưởng nhanh hơn làm cho cơ quan uốn cong về phía tiếp xúc. (S)

c) Do sự sinh trưởng không đều của hai phía cơ quan, trong khi đó các tế bào tại phía được tiếp xúc sinh trưởng nhanh hơn làm cho cơ quan uốn cong về phía tiếp xúc. (S)

d) Do sự sinh trưởng không đều của hai phía cơ quan, trong khi đó các tế bào tại phía không được tiếp xúc sinh trưởng chậm hơn làm cho cơ quan uốn cong về phía tiếp xúc. (S)

2. Mức độ thông hiểu:

Câu 2. Hình dưới đây mô tả thí nghiệm về cảm ứng ở thực vật. Các ý kiến sau đây là đúng hay sai?



A. Lá cây xấu hổ sẽ không cụp lại khi con người chạm tay vào. (S)

B. Lá cây xấu hổ cụp lại là do sự di chuyển của các phân tử nước ở phần phình của mỗi lá chét. (Đ)

C. Sự giảm sức trương nước của các tế bào cuống lá là nguyên nhân dẫn đến hiện tượng cụp lá của cây xấu hổ. (Đ)

D. Để thích nghi với môi trường sống luôn thay đổi, cây xấu hổ phải có cơ chế tự bảo vệ mình bằng cách cảm ứng. (Đ)

Câu 3. Cho hình ảnh, thông tin nào sau đây đúng/sai khi nói về hình ảnh này?

A. Đây là cảm ứng của sinh vật đối với kích thích của môi trường (Đ)

B. Hình ảnh a tác nhân kích thích là ánh sáng (Đ)

C. Hình ảnh b tác nhân kích thích là va chạm tiếp xúc (Đ)

D. Cả 2 sinh vật này có cơ chế cảm ứng giống hệt nhau (S)



a)

b)

Hình 11.3. Các cây đã chụm hướng về phía ánh sáng (a) và con cuộn chiều cuộn tròn khi bị chạm vào (b)

3. Mức độ vận dụng

Câu 1: Thí nghiệm sau đây mô tả về tác động của auxin với hướng trọng lực của cây.

Những nhận định sau là đúng hay sai?



Hình 15.5. Phản ứng hướng trọng lực của rễ và chồi đỉnh

- A. Rễ cây hướng trọng lực âm, ngọn cây hướng trọng lực dương. (S)
 B. Để rễ và ngọn cây có thể uốn cong như trên là do tác động của auxin đối với các tế bào ở 2 phía đối diện nhau của thân cây. (Đ)
 C. Việc rễ cây có khả năng hướng trọng lực dương đã giúp cây có thể đứng vững trong không gian và lấy được nhiều nước và muối khoáng. (Đ)
 D. Người ta có thể sử dụng auxin để giúp cho bộ rễ và bộ lá phát triển. (Đ)

BÀI 15- CẢM ỨNG Ở THỰC VẬT

I. Câu hỏi trắc nghiệm nhiều lựa chọn

1. Mức độ nhận biết

Câu 1. Các hình thức cảm ứng ở thực vật bao gồm

- A. hướng động và ứng động.
 B. hướng động và ứng động sinh trưởng.
 C. hướng động và ứng động không sinh trưởng.
 D. ứng động không sinh trưởng và ứng động sinh trưởng.

Câu 2. Khi nói về cảm ứng ở thực vật, phát biểu nào sau đây đúng?

- A. Cảm ứng ở thực vật là sự tiếp nhận và trả lời của thực vật đối với các kích thích từ môi trường.
 B. Cảm ứng biểu hiện bằng sự vận động của cơ quan, bộ phận thực vật chỉ khi nhận kích thích từ một hướng xác định.
 C. Cảm ứng biểu hiện bằng sự vận động của cơ quan, bộ phận thực vật chỉ khi nhận kích thích không theo hướng xác định.
 D. Con người không thể quan sát được cảm ứng ở thực vật bằng mắt thường.

Câu 3. Hướng động là

- A. hình thức phản ứng của cây đối với tác nhân kích thích từ một hướng xác định.
 B. hình thức phản ứng của cây đối với tác nhân kích thích không định hướng.
 C. hình thức phản ứng của cây đối với tác nhân kích thích từ một hướng xác định hoặc không định hướng.
 D. hình thức phản ứng của cây đối với mọi tác nhân kích thích.

Câu 4. Các kiểu hướng động dương của rễ cây là

- A. hướng đất, hướng nước, hướng sáng.
 B. hướng đất, hướng sáng, hướng hóa.
 C. hướng đất, hướng nước, hướng hóa.
 D. hướng sáng, hướng nước, hướng hóa.

Câu 5. Hiện tượng nào sau đây thuộc kiểu ứng động không sinh trưởng?

- A. Hiện tượng rụng lá của cây trinh nữ khi va chạm.
 B. Vận động quấn vòng của tua cuốn ở cây bầu, bí.
 C. Vận động nở hoa khi cảm ứng với ánh sáng ở cây bồ công anh.
 D. Vận động ngủ, thức của chồi cây theo mùa ở cây bàng, cây phượng.

Câu 6. Loại hướng động nào sau đây là hướng động âm?

- A. Hướng sáng của ngọn cây.
 B. Hướng sáng của rễ.
 C. Hướng trọng lực của rễ.
 D. Hướng nước của rễ.

Câu 7. vận động định hướng của cây phụ thuộc vào

- A. hướng của tác nhân kích thích.
 B. hướng vận động của cơ quan.
 C. tuổi cây.
 D. thời kì sinh trưởng của cây.

2. Mức độ thông hiểu

Câu 8. Ở thực vật, cơ quan có nhiều kiểu hướng động là

- A. hoa.
 B. thân.
 C. lá.
 D. rễ.

Câu 9. Hoa bồ công anh nở ra lúc sáng và khép lại lúc chạng vạng tối thuộc kiểu

- A. ứng động không sinh trưởng dưới tác động của nhiệt độ.
 B. ứng động không sinh trưởng dưới tác động của ánh sáng.
 C. ứng động sinh trưởng dưới tác động của nhiệt độ.
 D. ứng động sinh trưởng dưới tác động của ánh sáng.

Câu 10. Trường hợp nào sau đây là ứng động không sinh trưởng?

- A. Vận động bắt mồi của cây gọng vó.
 B. Vận động hướng đất của rễ cây đậu.
 C. Vận động hướng ánh sáng của của ngọn cây dừa.

D. Vận động nở hoa khi cảm ứng với ánh sáng ở cây bồ công anh.

Câu 14. Nguyên nhân của hiện tượng ngọn cây khi mọc vươn về phía có ánh sáng là do

- A. auxin phân bố tập trung ở đỉnh chồi. B. auxin phân bố đồng đều ở hai phía sáng và tối của cây.
C. auxin phân bố nhiều hơn về phía sáng của cây. D. auxin phân bố nhiều hơn về phía tối của cây.

Câu 15. Cho những thông tin sau:

Hình thức cảm ứng ở thực vật	Phản ứng cụ thể
a. Hướng sáng b. Hướng động tiếp xúc c. Hướng tiếp xúc d. Hướng trọng lực e. Ứng động sinh trưởng	1. Ứng động nở hoa của cây hoa tulip 2. Lá cây bắt ruồi cuộn lại khi có con mồi đậu vào 3. Rễ mọc hướng xuống đất 4. Ngọn cây hướng về phía được chiếu sáng 5. Tua cuốn cây họ Đậu cuốn vào cọc leo

Phương án đúng khi nối các phản ứng với các hình thức cảm ứng của thực vật là

- A. a-4, b-2, c-5, d-3, e-1. B. a-1, b-2, c-4, d-3, e-5.
C. a-4, b-5, c-2, d-3, e-1. D. a-4, b-5, c-4, d-3, e-1.

3. Mức độ vận dụng

Câu 20. Nối các biện pháp canh tác và tác dụng của chúng cho phù hợp.

Biện pháp canh tác	Tác dụng
1. Làm đất tơi xốp, thoáng khí, bón phân tưới nước đều quanh gốc.	a. Tăng chiều cao cây.
2. Hạn chế chiếu sáng trong thời gian đầu khi hạt nảy mầm, tia thừa khi cây đã lớn.	b. Kéo dài thời gian ngủ của hạt.
3. Làm giàn, mở rộng giàn cho một số loại cây trồng.	c. Tăng kích thước bộ rễ.
4. Bảo quản hạt trong kho lạnh, phơi khô hạt giống.	d. Thúc đẩy cây thân leo sinh trưởng.
5. Bố trí vùng trồng hợp lí, đảm bảo các yêu cầu về nhiệt độ ánh sáng.	e. Tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình ra hoa, nở hoa

- A. 1 – c, 2 – a, 3 – d, 4 – b, 5 – e. B. 1 – c, 2 – a, 3 – e, 4 – b, 5 – d.
C. 1 – a, 2 – c, 3 – e, 4 – b, 5 – d. D. 1 – a, 2 – c, 3 – b, 4 – d, 5 – e.

Câu 21. Khi nói về các kiểu ứng động sinh trưởng ở thực vật. Theo lí thuyết, có bao nhiêu phát biểu sau đây đúng?

- I. Đỉnh sinh trưởng của cành và thân luôn hướng về phía có ánh sáng.
II. Hiện tượng cuộn lá của cây hoa trinh nữ khi bị va chạm.
III. Hoa bồ công anh nở ra lúc sáng và cuộn lại lúc chạng vạng tối hoặc lúc ánh sáng yếu.
IV. Vận động ngủ, thức của chồi cây theo mùa.

- A. 1. B. 2. C. 3. D. 4.

Câu 22. Trong quá trình làm rau mầm, người ta thường che tối 2 – 3 ngày đầu khi hạt mới nảy mầm, việc làm này có ý nghĩa

- A. kích thích thân mầm phát triển nhanh hơn. B. kích thích rễ mầm phát triển nhanh hơn.
C. tế bào thân mầm già hoá nhanh hơn. D. tạo màu xanh cho cây mầm.

II. Câu hỏi đúng sai:

1. Mức độ nhận biết:

Câu 23: Hãy cho biết nhận định cảm ứng ở thực vật đúng hay sai?

Phát biểu	Đúng/Sai
Cảm ứng của thực vật được chia thành 2 kiểu là hướng động và ứng động.	Đ
Hướng động là phản ứng của thực vật đối với các kích thích không có hướng.	S
Ứng động là các phản ứng đáp ứng với các kích thích có hướng xác định.	S
Hướng sáng, hướng nước, hướng hoá, hướng trọng lực và hướng tiếp xúc thuộc kiểu hướng động.	Đ
Ứng động sinh trưởng và ứng động không sinh trưởng là hai kiểu biểu hiện của ứng động.	Đ

2. Mức độ thông hiểu:

Câu 24: Hãy cho biết nhận định về vận động định hướng ở thực vật đúng hay sai?

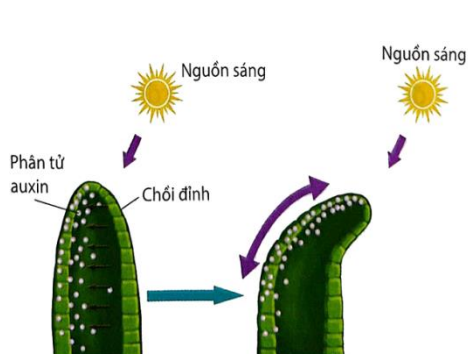
- A. Thân hướng sáng dương và hướng trọng lực âm, còn rễ hướng sáng âm và hướng trọng lực dương. (Đ)
B. Thân hướng sáng dương và hướng trọng lực âm, còn rễ hướng sáng dương và hướng trọng lực dương. (S)
C. Thân hướng sáng âm và hướng trọng lực âm, còn rễ hướng sáng dương và hướng trọng lực âm. (S)
D. Thân hướng sáng dương và hướng trọng lực dương, còn rễ hướng sáng âm và hướng trọng lực dương. (S)

3. Mức độ vận dụng:

Câu 25. Khi nói về hướng động của thực vật. Theo lí thuyết, có bao nhiêu phát biểu sau đây đúng?

- I. Rễ cây có tính hướng nước dương. (Đ)
- II. Rễ cây có tính hướng hóa dương đối với mọi hóa chất trong môi trường đất. (S)
- III. Tế bào rễ cây có độ nhạy cảm đối với auxin cao hơn so với tế bào thân cây. (Đ)
- IV. Với hàm lượng auxin cao sẽ kích thích sự dài ra của tế bào rễ trong khi ức chế sự sinh trưởng của tế bào thân. (S)

Câu 26: Dựa vào hình ảnh minh họa và kiến thức về cảm ứng ở thực vật. Có bao nhiêu phát biểu sau đây đúng?



- I. [1] khi phía phải chiếu sáng nhiều hơn → auxin tập trung nhiều hơn bên trái.
 - II. [2] khi phía trái tế bào dài ra và phân chia nhanh hơn phía phải → ngọn uốn cong về phía phải (hướng ánh sáng)
 - III. Thí nghiệm chứng minh cho tính hướng sáng của ngọn và cành.
 - IV. Nếu ánh sáng đều cả mọi hướng ngọn cây sẽ vươn thẳng.
- A. 1. B. 2. C. 3. D. 4.

Câu 27: Khi nói về cảm ứng ở thực vật. Theo lí thuyết, các phát biểu sau đúng hay sai?

- I. Có thể dựa vào tính hướng sáng của thực vật để tạo dáng cho cây cảnh. (Đ)
- II. Có thể dùng phân bón để điều chỉnh sự phát triển của rễ cây. (Đ)
- III. Trong thí nghiệm về tính hướng hoá, chỉ có thể dùng phân bón mới quan sát được phản ứng hướng hoá của rễ cây. (S)
- IV. Chỉ có làm thí nghiệm mới quan sát được các hình thức cảm ứng của thực vật. (S)

Câu 28. Người ta tiến hành một thí nghiệm như sau:

- Cây mầm 1: chiếu sáng từ một phía lên bao lá mầm.
- Cây mầm 2: cắt bỏ đỉnh ngọn, rồi chiếu sáng từ một phía.
- Cây mầm 3: che tối phần bao lá mầm, chiếu sáng từ một phía.

Sau đó để các cây sinh trưởng bình thường và quan sát hiện tượng. Hãy cho biết mỗi nhận định sau đây là Đúng hay Sai ?

Ý	Mệnh đề	Đúng	Sai
a.	Cây 1 ngọn cây cong về phía ánh sáng do tính hướng sáng.	đ	
b.	Cây 2 ngọn cây vẫn mọc thẳng.	đ	
c.	Cây 3 ngọn cây cong về phía ánh sáng do tính hướng sáng.		s
d.	Đỉnh ngọn là nơi tiếp nhận kích thích ánh sáng gây phản ứng hướng sáng ở ngọn cây.	đ	

Câu 29. Hãy cho biết mỗi nhận định sau đây là Đúng hay Sai ?

Ý	Mệnh đề	Đúng	Sai
a.	Hiện tượng nở hoa khi có ánh sáng và rụng lá lúc chạng vạng tối ở cây bồ công anh là một ví dụ về ứng động không sinh trưởng.		s
b.	Hiện tượng rụng lá ở cây trinh nữ là một ví dụ điển hình về ứng động không sinh trưởng.	đ	
c.	Hiện tượng rễ cây sinh trưởng theo hướng tránh xa các kim loại nặng trong đất là một ví dụ về hướng hóa dương.		s
d.	Sự vận động bắt mồi của cây gọng vó là kết hợp của ứng động tiếp xúc và hóa ứng động.	đ	

Câu 30. Hãy cho biết mỗi nhận định sau đây là Đúng hay Sai ?

Ý	Mệnh đề	Đúng	Sai
a.	Quá trình kéo dài của ống phôi khi thụ tinh là một ví dụ về hướng hóa dương.	đ	
b.	Vào mùa đông, khi nhiệt độ xuống thấp, ánh sáng yếu, thời gian chiếu sáng ngắn dẫn đến chồi cây bàng ngủ (không sinh trưởng) là một ví dụ về hướng sáng âm.		s

c.	Đỉnh sinh trưởng của rễ cây hướng vào lòng đất, đỉnh của thân cây hướng theo chiều ngược lại là kiểu hướng động hướng sáng.		s
d.	Hoa súng nở vào buổi sáng, khi chiều đến chúng khép cánh lại và sẽ nở ra tiếp tục vào sáng hôm sau là loại vận động sức trương nước.	đ	

III. Câu hỏi trả lời ngắn:

Câu 1. Trong các tác nhân sau đây: nhiệt độ, hormone, hóa chất, trọng lực, động vật. Có bao nhiêu tác nhân là các tác nhân kích thích gây ra cảm ứng ở thực vật?

Đáp án là: 3 (nhiệt độ, hóa chất, trọng lực)

Câu 2. Có bao nhiêu loại hướng động?

Đáp án là: 5 (hướng sáng, hướng nước, hướng trọng lực, hướng hóa, hướng tiếp xúc)

Câu 3. Phản ứng của thực vật đối với các tín hiệu môi trường diễn ra thông qua bao nhiêu quá trình?

Đáp án là: 3 (thu nhận kích thích, dẫn truyền tín hiệu và trả lời kích thích)

Câu 4. Ứng động được chia làm bao nhiêu loại?

Đáp án là: 2 (ứng động sinh trưởng và ứng động không sinh trưởng)

Câu 5. Dựa vào phản ứng trả lời kích thích của thực vật, có thể chia hướng động thành bao nhiêu loại?

Đáp án là: 2 (hướng động dương và hướng động âm)

Câu 6. Trong các ứng động sau:

(1) Hoa mười giờ nở vào buổi sáng. (2) Hiện tượng thức ngủ của chồi cây bàng.

(3) Sự đóng mở của lá cây trinh nữ. (4) Lá cây phượng vĩ xòe ra và khép lại. (5) Khí khổng đóng mở.

Số trường hợp trên liên quan đến sức trương nước là:

Đáp án là: 2 (Trường hợp 3 và 5)

Câu 7. Trong các loài cây sau có bao nhiêu loài có hướng tiếp xúc: mồng tơi, xương rồng, mướp đắng, gấc?

Đáp án là: 3 (trừ mướp đắng không có hướng tiếp xúc)

Câu 8. Trong các hiện tượng sau đây:

(1) Hiện tượng rụng lá ở cây trinh nữ. (2) Hiện tượng dậy nắp ở cây bắt ruồi.

(3) Hiện tượng nở hoa khi trời sáng ở cây bồ công anh. (4) Hiện tượng đỉnh chồi sinh trưởng theo hướng ánh sáng.

Có bao nhiêu hiện tượng là ví dụ của ứng động?

Đáp án là: 3 (trừ trường hợp 4 là hướng động)

Câu 9. Có bao nhiêu hiện tượng dưới đây biểu hiện của tính hướng động ở thực vật :

(1) Hiện tượng thân cây quấn vào cọc để leo lên của cây đậu cô ve. (2) Hiện tượng cuốn ngọn của cây sắn dây.

(3) Hiện tượng đóng mở khí khổng. (4) Hiện tượng rụng lá của cây bắt ruồi.

(5) Hiện tượng vươn ra ánh sáng khi chiếu sáng một phía của ngọn cây.

Đáp án là: 2 (1 và 5)

Câu 10. Có bao nhiêu kiểu cảm ứng sau đây khi nói về hiện tượng trong rừng nhiệt các loài cây dây leo quấn quanh những cây thân gỗ lớn để vươn lên cao ?

(1) Hướng sáng. (2) Hướng tiếp xúc. (3) Hướng trọng lực. (4) Hướng hóa. (5) Hướng nước.

Đáp án là: 3 (1,2,3)

BÀI 17- CẢM ỨNG Ở ĐỘNG VẬT

I. Câu hỏi trắc nghiệm nhiều lựa chọn

1. Mức độ nhận biết

Câu 1: Hiện tượng nào sau đây **không** phải là một phản xạ:

A. Khi trời rét, chim xù lông.

B. Người tiết nước bọt khi thấy chanh

C. Phản ứng co một bắp cơ ếch tách rời khi bị kích thích.

D. Gà mẹ xù lông ấp con khi nhận thấy có nguy hiểm.

Câu 2: Khi dùng một chiếc kim nhọn châm vào thủy tức, nó sẽ

A. co toàn thân lại.

B. co phần bị kích thích.

C. diểm bị kích thích phản ứng.

D. tránh đi nơi khác.

Câu 3: Động vật có hệ thần kinh dạng chuỗi hạch phản ứng lại kích thích theo hình thức:

A. Co rút chất nguyên sinh.

B. Phản xạ.

C. Tăng co thắt cơ thể.

D. Chuyển động cả cơ thể.

Câu 4: Những động vật nào sau đây có hệ thần kinh dạng lưới?

A. Trùng roi, trùng amip. B. Giun đất, bọ ngựa, cánh cam. C. Cá, ếch, thằn lằn. D. Sứa, san hô, thủy tức.

Câu 5: Điện thế hoạt động xuất hiện khi

A. có sự thay đổi điện thế giữa trong và ngoài màng của tế bào thần kinh.

B. tế bào thần kinh ở trạng thái bị kích thích.

C. có sự thay đổi điện thế màng ở màng ngoài của tế bào thần kinh.

D. có sự thay đổi điện thế ở trong màng của tế bào thần kinh.

Câu 6: Sự lan truyền xung thần kinh trên sợi trục có bao miêlin diễn ra như thế nào?

- A. Xung thần kinh lan truyền dọc theo sợi trục.
- B. Xung thần kinh truyền cả hai chiều.
- C. Xung thần kinh thực hiện lối nhảy cóc từ eo Ranvie này sang eo Ranvie khác.
- D. Xung thần kinh thực hiện theo lối vừa nhảy cóc vừa truyền dọc theo sợi trục.

Câu 7: Điện thế nghỉ xuất hiện khi

- A. tế bào ở trạng thái nghỉ ngơi.
- B. tế bào bị kích thích.
- C. tế bào ngừng phân chia.
- D. tế bào phân chia.

Câu 8: Điện thế hoạt động lan truyền theo cách nhảy cóc là do

- A. bao miêlin bao bọc sợi trục ngắt quãng và có tính chất dẫn điện.
- B. bao miêlin bao bọc sợi trục ngắt quãng và có tính chất cách điện.
- C. sợi trục không có bao miêlin.
- D. bao miêlin bao bọc sợi trục liên tục và có tính chất cách điện.

Câu 9. Trên sợi trục không có bao miêlin, xung thần kinh lan truyền liên tục từ vùng này sang vùng khác do

- A. mất phân cực đến tái phân cực rồi đảo cực.
- B. đảo cực đến mất phân cực rồi tái phân cực.
- C. mất phân cực đến đảo cực rồi tái phân cực.
- D. mất phân cực đến tái phân cực rồi đảo cực

Câu 10. Xung thần kinh xuất hiện

- A. khi xuất hiện điện thế hoạt động.
- B. tại thời điểm sắp xuất hiện điện thế hoạt động
- C. tại thời điểm chuyển giao giữa điện thế nghỉ sang điện thế hoạt động
- D. sau khi xuất hiện điện thế hoạt động

Câu 11: Thụ thể tiếp nhận chất trung gian hoá học nằm ở bộ phận nào của synapse?

- A. Màng trước synapse.
- B. Khe synapse.
- C. Chuỳ synapse.
- D. Màng sau synapse.

Câu 12: Chất trung gian hoá học nằm ở bộ phận nào của synapse?

- A. Màng trước synapse.
- B. Chuỳ synapse.
- C. Màng sau synapse.
- D. Khe synapse.

Câu 13: Synapse là:

- A. Diện tiếp xúc giữa các tế bào ở cạnh nhau.
- B. Diện tiếp xúc chỉ giữa tế bào thần kinh với tế bào tuyến.
- C. Diện tiếp xúc chỉ giữa tế bào thần kinh với tế bào cơ.
- D. Diện tiếp xúc giữa các tế bào thần kinh với nhau hay với các tế bào khác (tế bào cơ, tế bào tuyến...).

Câu 14: Phản xạ ở động vật là phản ứng của cơ thể trả lời lại các kích thích

- A. từ bên ngoài cơ thể.
- B. từ bên trong cơ thể.
- C. từ bên trong hoặc bên ngoài cơ thể.
- D. chỉ bên ngoài cơ thể.

Câu 15: Cung phản xạ diễn ra theo trật tự nào?

- A. Thụ thể hoặc cơ quan thụ cảm → hệ thần kinh → cơ, tuyến.
- B. Hệ thần kinh → thụ thể hoặc cơ quan thụ cảm → cơ, tuyến.
- C. Thụ thể hoặc cơ quan thụ cảm → cơ, tuyến → hệ thần kinh.
- D. Cơ, tuyến → thụ thể hoặc cơ quan thụ cảm → hệ thần kinh.

Câu 17: Thuộc loại phản xạ không điều kiện là

- A. nghe tiếng gọi “chích chích”, gà chạy tới.
- B. nhìn thấy quả chanh ta tiết nước bọt.
- C. nhìn thấy con quạ bay trên trời, gà con nấp vào cánh gà mẹ.
- D. hít phải bụi ta “hắt xì hơi”.

2. Mức độ hiểu

Câu 1: Điện thế hoạt động lan truyền trên sợi trục thần kinh có bao miêlin nhanh hơn so với không có bao miêlin vì chúng

- A. lan truyền liên tiếp từ vùng này sang vùng khác, chậm và tiêu tốn năng lượng.
- B. không lan truyền theo kiểu nhảy cóc, nhanh và ít tiêu tốn năng lượng.
- C. không lan truyền liên tục, chậm và tiêu tốn năng lượng.
- D. lan truyền theo kiểu nhảy cóc, nhanh và ít tiêu tốn năng lượng.

Câu 2. Sự lan truyền xung thần kinh trên sợi có bao miêlin “nhảy cóc” vì

- A. sự thay đổi tính thấm của màng chỉ xảy ra tại các eo Ranvie
- B. đảm bảo cho sự tiết kiệm năng lượng
- C. Bao Mielin có tính chất cách điện.
- D. tạo cho tốc độ truyền xung quanh

Câu 3. Vì sao trong một cung phản xạ, XTK chỉ truyền theo một chiều từ cơ quan thụ cảm đến cơ quan đáp ứng.

- A. Vì sự chuyển giao xung thần kinh qua synapse nhờ chất trung gian hoá học chỉ theo một chiều.
- B. Vì các thụ thể ở màng sau synapse chỉ tiếp nhận các chất trung gian hoá học theo một chiều.
- C. Vì khe synapse ngăn cản sự truyền tin ngược chiều.
- D. Vì chất trung gian hoá học bị phân giải sau khi đến màng sau.

Câu 4: Ưu điểm của động vật có hệ thần kinh dạng ống so với hệ thần kinh dạng lưới là

- A. tiêu tốn nhiều năng lượng hơn.
- B. kích thước lớn hơn.
- C. số lượng noron lớn, phân hoá cao.
- D. số lượng phản xạ ít hơn.

Câu 5: Cho các trường hợp sau:

- (1) Dẫn truyền theo lối “nhảy cóc” từ eo Ranvie này sang eo Ranvie khác
- (2) Sự thay đổi tính chất màng chỉ xảy ra tại các eo
- (3) Dẫn truyền nhanh và tốn ít năng lượng
- (4) Nếu kích thích tại điểm giữa sợi trục thì lan truyền chỉ theo một hướng

Sự lan truyền xung thần kinh trên sợi trục có bao miêlin có những đặc điểm nào?

- A. (1) và (4) B. (2), (3) và (4) C. (2) và (4) D. (1), (2) và (3)

3. Mức độ vận dụng

Câu 1: Trong các phát biểu sau:

- (1) Phản xạ chỉ có ở những sinh vật có hệ thần kinh
- (2) Phản xạ được thực hiện nhờ cung phản xạ
- (3) Phản xạ được coi là một dạng điển hình của cảm ứng
- (4) Phản xạ là khái niệm rộng hơn cảm ứng

Các phát biểu đúng về phản xạ là:

- A. (1), (2) và (4) B. (1), (2), (3) và (4). C. (2), (3) và (4) D. (1), (2) và (3)

Câu 2. Đánh dấu x vào ô cho ý *không đúng* về ưu điểm cho hệ thần kinh dạng chuỗi hạch:

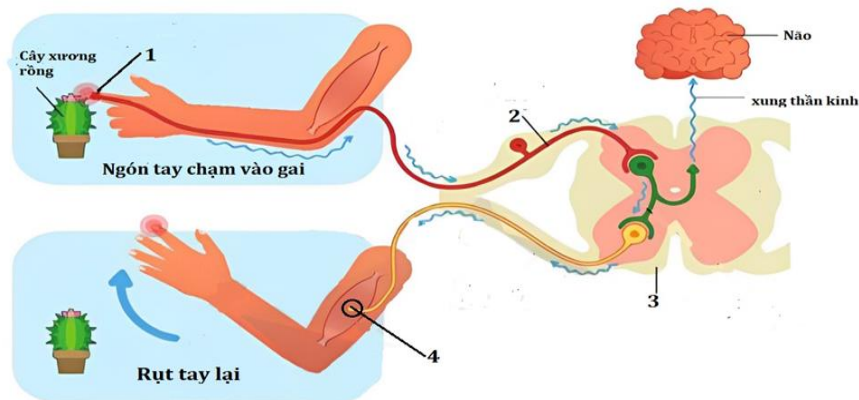
- A. Nhờ có hạch TK nên số lượng của TBTK của động vật tăng lên.
- B. Do các TBTK trong hạch nằm gần nhau và hình thành nhiều mối liên hệ với nhau nên khả năng phối hợp hoạt động giữa chúng được tăng cường.
- C. Nhờ các hạch TK liên hệ với nhau nên kích thích nhẹ tại một điểm thì gây ra phản ứng toàn thân và tốn nhiều năng lượng.
- D. Do mỗi hạch TK điều khiển một vùng xác định trên cơ thể nên động vật phản ứng chính xác hơn, tiết kiệm năng lượng hơn so với HTK dạng lưới.

II. Câu hỏi đúng sai:

Câu 1. Mỗi mệnh đề sau là đúng hay sai khi nói về điện thế hoạt động?

Ý	Mệnh đề	Đúng	Sai
a.	Trên sợi thần kinh không có bao myelin, điện thế hoạt động lan truyền theo cách nhảy cóc từ eo Ranvier này sang eo Ranvier khác.		x
b.	Điện thế hoạt động xuất hiện không dừng tại điểm phát sinh mà lan truyền dọc theo sợi thần kinh.		x
c.	Cách lan truyền của điện thế hoạt động trên sợi thần kinh có bao myelin và không có bao myelin là giống nhau.	✓	
d.	Tốc độ lan truyền của điện thế hoạt động trên sợi thần kinh có bao myelin và không có bao myelin là giống nhau.		x

Câu 2. Hình bên mô tả hệ cung phản xạ của người khi tay chạm vào cây xương rồng, mỗi mệnh đề sau là Đúng hay Sai?



Ý	Mệnh đề	Đúng	Sai
a.	Các số lần lượt là : (1)Thụ quan đau ở da; (2)neuron cảm giác, (3)tủy sống, (4)neuron vận động.	Đ	
b.	Hệ thần kinh trung ương là não bộ, và các dây thần kinh là nơi xử lí thông tin, đưa ra quyết định trả lời kích thích, lưu giữ thông tin.		S
c.	Hiện tượng co rút tay lại là phản xạ không điều kiện.	Đ	
d.	Tín hiệu thần kinh được dẫn truyền từ dây thần kinh ngoại biên đến cơ vân bằng synapse nhờ đó tay mới co rút lại.	Đ	

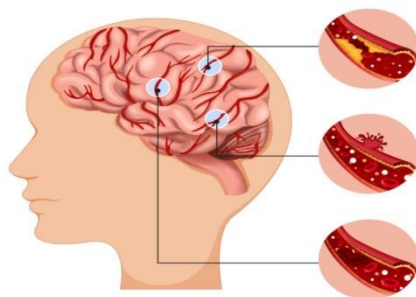
Câu 3. Xung thần kinh xuất hiện và lan truyền trên trục sợi thần kinh có bao miêlin

- (1) theo lối nhảy cóc nên tốc độ dẫn truyền nhanh (Đ)
- (2) tốn ít năng lượng hơn trên sợi không có bao miêlin (Đ)
- (3) có biên độ giảm dần khi chuyển qua eo Ranvie (S)
- (4) không thay đổi điện thế khi lan truyền suốt dọc sợi trục (Đ)

Câu 4. Các nhận định sau đúng hay sai khi nói về vận tốc lan truyền xung thần kinh trên sợi thần kinh ở người ?

- I. Vận tốc lan truyền xung thần kinh trên sợi thần kinh không có bao miêlin là 100 m/giây. (S)
- II. Vận tốc lan truyền xung thần kinh trên sợi thần kinh không có bao miêlin là 3-5 m/giây. (Đ)
- III. Vận tốc lan truyền xung thần kinh trên sợi thần kinh có bao miêlin là 100 m/giây. (Đ)
- IV. Vận tốc lan truyền xung thần kinh trên sợi thần kinh không có bao miêlin nhanh hơn trên sợi thần kinh có bao miêlin.

Câu 5. Tai biến mạch máu não hay còn gọi là đột quỵ, xảy ra khi nguồn máu cung cấp cho não bị tắc nghẽn. Đây được xem là một trong những bệnh lý nguy hiểm nhất, nguy cơ tử vong cao nếu không sớm nhận biết triệu chứng tai biến và can thiệp kịp thời. Thời gian càng dài thì não tổn thương càng nặng, bệnh nhân sẽ tiến gần với bờ vực tử vong thêm một bước. Các cơ quan trên cơ thể được điều khiển bởi não bộ sẽ không tiếp tục hoạt động được nữa. Nếu may mắn được cứu sống thì người bệnh cũng dễ gặp những biến chứng nghiêm trọng như tê liệt tay chân, liệt nửa người, không thể giao tiếp. Những nghiên cứu gần đây cho thấy người có độ tuổi từ 65 trở lên rất dễ bị tai biến, tuy nhiên những năm gần đây bệnh này càng ngày càng trẻ hóa. Sử dụng dữ liệu và hình vẽ trên hãy cho biết mỗi nhận định sau đây Đúng hay Sai ?



Ý	Mệnh đề	Đúng	Sai
a.	Do các mạch máu bị vỡ hoặc tắc nên lúc này não sẽ không được cung cấp oxy và dưỡng chất khiến các tế bào não trong đó chết dần.	Đ	
b.	Khi não bị tổn thương, các tín hiệu thần kinh từ tủy sống đến não sẽ không xử lý được dẫn đến cung phản xạ sẽ gián đoạn mất chức năng.		s
c.	Người lớn tuổi rất dễ bị bệnh lý này do các mạch máu não bị giòn dẫn tới dễ vỡ.	Đ	
d.	Để ngăn ngừa bệnh tai biến mạch máu não cần có lối sống lành mạnh, tập thể dục thể thao, ăn uống khoa học đặc biệt là nên thức ăn có nhiều chất béo cholesterol.		s

Câu 6. Các nhận định sau đúng hay sai khi nói về ưu điểm cho hệ thần kinh dạng chuỗi hạch:

- A. Nhờ có hạch TK nên số lượng của TBTK của động vật tăng lên. (Đ)
- B. Do các TBTK trong hạch nằm gần nhau và hình thành nhiều mối liên hệ với nhau nên khả năng phối hợp hoạt động giữa chúng được tăng cường. (Đ)
- C. Nhờ các hạch TK liên hệ với nhau nên kích thích nhẹ tại một điểm thì gây ra phản ứng toàn thân và tốn nhiều năng lượng. (S)
- D. Do mỗi hạch TK điều khiển một vùng xác định trên cơ thể nên động vật phản ứng chính xác hơn, tiết kiệm năng lượng hơn so với HTK dạng lưới. (Đ)

III. Câu hỏi trả lời ngắn

Câu 1. Một cung phản xạ có bao nhiêu bộ phận?

Đáp án là: 5

Câu 2. Dựa vào sự tiến hóa của tổ chức thần kinh ở các nhóm động vật người ta có thể chia thành bao nhiêu dạng?

Đáp án là: 3

- Dạng thần kinh lưới (ruột khoang).
- Dạng thần kinh chuỗi hạch (giun sán, sâu bọ, chân khớp).
- Dạng thần kinh ống (các động vật có xương sống).

Câu 3. Cho các thành phần: Hầu hết các neuron được cấu tạo từ bao nhiêu thành phần kể trên?

Đáp án là: 3

Câu 4. Cho các động vật sau: sư tử, chó, mèo, cá, sứa, mực. Có bao nhiêu động vật có thần kinh dạng ống?

Đáp án là: 3 (sư tử, chó, mèo,)

Câu 5. Cho các động vật sau: thủy tức, cá, sứa, cua, giun đốt và mực. Có bao nhiêu động vật có thần kinh dạng lưới?

Đáp án là: 2 (thủy tức và sứa)

Câu 6. Có bao nhiêu hình thức phản xạ dưới đây là do sinh ra đã có

- (1)Phản xạ bú ở trẻ sơ sinh. (2)Phản xạ khóc ở trẻ sơ sinh. (3)Phản xạ toát mồ hôi khi tập thể dục.
(4)Phản xạ co chân lại khi giẫm vào đinh. (5) Phản xạ rút tay lại khi chạm vào nồi nóng.

Đáp án là: 5.

Câu 7. Có bao nhiêu hình thức phản xạ dưới đây là hình thành qua học tập và rút kinh nghiệm

- (1)Phản xạ tiết nước bọt khi thấy quả chua. (2)Lau dọn vệ sinh. (3) Chấp hành tín hiệu đèn giao thông.
(4)Hút thuốc lá điện tử. (5)Cắn móng tay.

Đáp án là: 5

BÀI 18- TẬP TÍNH Ở ĐỘNG VẬT

I. Câu hỏi trắc nghiệm nhiều lựa chọn

1. Nhận biết

Câu 1. Tập tính là:

- A. Những động tác của động vật trả lời lại các kích thích
B. Những hành động của động vật trả lời lại các kích thích
C. Những suy nghĩ của động vật trả lời lại các kích thích
D. Những biểu hiện của động vật trả lời lại các kích thích

Câu 2. Tập tính bẩm sinh là những tập tính

- A. sinh ra đã có, được di truyền từ bố mẹ, đặc trưng cho cá thể
B. được di truyền từ bố mẹ, đặc trưng cho cá thể hoặc đặc trưng cho loài
C. học được trong đời sống, không có tính di truyền, mang tính cá thể
D. sinh ra đã có, được di truyền từ bố mẹ, đặc trưng cho loài

Câu 3: Tập tính học được là

- A. loại tập tính được hình thành trong quá trình sống của cá thể, thông qua học tập và rút kinh nghiệm.
B. loại tập tính được hình thành trong quá trình phát triển của loài, thông qua học tập và rút kinh nghiệm.
C. loại tập tính được hình thành trong quá trình sống của cá thể, thông qua học tập và rút kinh nghiệm, được di truyền.
D. loại tập tính được hình thành trong quá trình sống của cá thể, thông qua học tập và rút kinh nghiệm, mang tính đặc trưng cho loài.

Câu 4: Chó sói, sư tử sống theo bầy đàn là tập tính

- A. bảo vệ lãnh thổ. B. sinh sản. C. di cư D. xã hội

Câu 5: Vào mùa sinh sản, hươu đực húc nhau, con thắng trận sẽ giao phối với con cái là tập tính

- A. sinh sản. B. bảo vệ lãnh thổ. C. di cư. D. xã hội

Câu 6: Quen nhờn là hình thức học tập, trong đó:

- A. động vật không trả lời khi kích thích không liên tục mà không gây nguy hiểm.
B. động vật không trả lời khi kích thích ngắn gọn mà không gây nguy hiểm.
C. động vật không trả lời khi kích thích lặp đi lặp lại nhiều lần mà không gây nguy hiểm.
D. động vật không trả lời khi kích thích giảm dần cường độ mà không gây nguy hiểm.

Câu 7: In vết là hiện tượng học tập ở động vật, trong đó:

- A. Động vật bám theo các vật chuyển động mà chúng nhìn thấy lần đầu tiên
B. Động vật thực hiện di trú hằng năm về một nơi mà những năm trước đó chúng đã đến
C. Động vật đánh dấu lãnh thổ của mình bằng các chất bài tiết của cơ thể
D. Động vật ghi nhớ Phương pháp săn mồi

Câu 8: Hình thức học tập phức tạp nhất của động vật là

- A. nhận thức và giải quyết vấn đề B. quen nhờn.
C. học xã hội D. nhận biết không gian và bản đồ nhận thức

Câu 9: Pheromone là:

- A. Chất hóa học được sản sinh từ lá của cây, gây ra các đáp ứng giống nhau trên các cá thể cùng loài
B. Mang thông tin chung của các loài do có cấu tạo giống nhau trong sinh giới
C. Được xem là tín hiệu giao tiếp giữa cá thể khác loài
D. Chất hóa học do ĐV sản sinh và giải phóng vào môi trường sống, gây đáp ứng khác nhau giữa các cá thể cùng loài

Câu 12. Tập tính được thể hiện khi con vật nhận:

- A. Kích thích từ bên trong hoặc từ bên ngoài cơ thể
B. Kích thích tại não bộ của cơ thể
C. Kích thích từ các tác nhân ngoại cảnh
D. Kích thích từ thiên nhiên sinh sống

2. Mức độ hiểu

Câu 1: Cho các đặc điểm sau, có bao nhiêu đặc điểm của **tập tính bẩm sinh**?

1. Sinh ra đã có, không cần học hỏi.
2. Mang tính bản năng.
3. Có thể thay đổi theo hoàn cảnh sống.
4. Được quyết định bởi yếu tố di truyền (di truyền được).
A. 1
B. 2
C. 3
D. 4

Câu 2: Tập tính kiếm ăn ở động vật có tổ chức hệ thần kinh phát triển thuộc loại tập tính nào?

- A. Phần lớn là tập tính bẩm sinh.
B. Phần lớn là tập tính học tập.
C. Số ít là tập tính bẩm sinh.
D. Toàn là tập tính học tập.

Câu 3: Tập tính sinh sản của động vật thuộc loại tập tính nào?

- A. Số ít là tập tính bẩm sinh.
B. Toàn là tập tính học được.
C. Phần lớn tập tính học được.
D. Phần lớn là tập tính bẩm sinh.

Câu 4: Ví dụ nào sau đây không phải là ví dụ về tập tính học được?

- A. Chuột nghe thấy tiếng mèo kêu phải chạy xa.
B.Ếch đực kêu vào mùa sinh sản.
C. Con mèo ngủ thấy mùi cá là chạy tới gần.
D. Chim sâu thấy bọ nẹt không dám ăn.

Câu 7: Ý nào **không** phải là đặc điểm của tập tính bẩm sinh?

- A. Có sự thay đổi linh hoạt trong đời sống cá thể.
B. Rất bền vững và không thay đổi.
C. Là tập hợp các phản xạ không điều kiện diễn ra theo một trình tự nhất định.
D. Do kiểu gen quy định

Câu 8. Chọn đáp án phát biểu đầy đủ nhất về pheromone.

Pheromone có thể gây ra:

- A. Các tập tính liên quan đến sinh sản và không liên quan đến sinh sản, thậm chí được xem là tín hiệu hóa học giao tiếp giữa các cá thể cùng loài
B. Các tập tính liên quan đến sinh sản, thậm chí được xem là tín hiệu hóa học giao tiếp giữa các cá thể khác loài
C. Các tập tính liên quan đến sinh sản và không liên quan đến sinh sản, thậm chí được xem là tín hiệu hóa học giao tiếp giữa các cá thể khác loài
D. Các tập tính không liên quan đến sinh sản, thậm chí được xem là tín hiệu hóa học giao tiếp giữa các cá thể cùng loài

3. Mức độ vận dụng

Câu 1: Khi thả tiếp một hòn đá vào cạnh con rùa thì thấy nó không rút đầu vào mai nữa. Đây là một ví dụ về hình thức học tập nào sau đây?

- A. Học xã hội
B. Điều kiện hóa hành động.
C. Điều kiện hoá hành động.
D. Quen nhờn

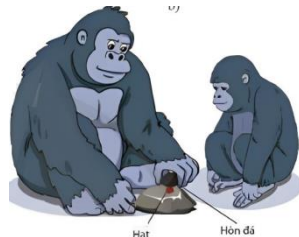
Câu 2: Khi mở nắp bể, đàn cá cảnh thường tập trung về nơi thường cho ăn. Đây là ví dụ về hình thức học tập nào sau đây?

- A. Quen nhờn.
B. Điều kiện hoá đáp ứng.
C. In vết.
D. Điều kiện hoá hành động.

Câu 3: Thầy giáo yêu cầu bạn giải một bài tập di truyền mới, bạn giải được. Đây là một ví dụ về hình thức học tập nào?

- A. Điều kiện hoá đáp ứng.
B. Nhận thức và giải quyết vấn đề.
C. Điều kiện hoá hành động.
D. Học xã hội.

Câu 4. Hình thức học tập ở hình bên là



- A. in vết
B. liên hệ
C. giải quyết vấn đề
D. học xã hội

Câu 5. Hình thức học tập ở hình bên là

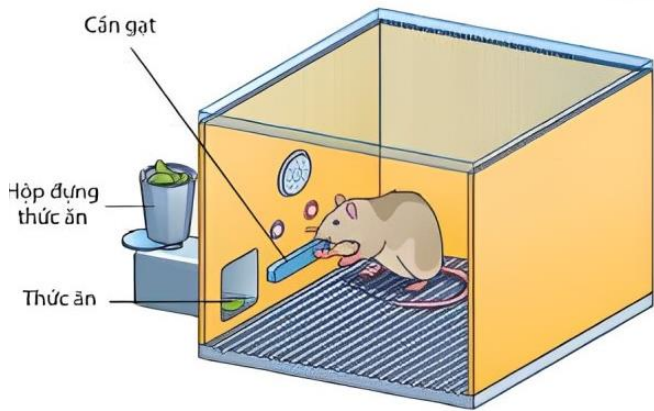


- A.in vết
B.liên
hệ C.giải quyết vấn đề
D.học xã hội

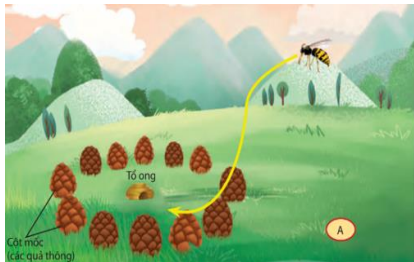
Câu 6. Hình thức học tập ở hình bên là



- A.in vết
- B.liên hệ
- C.giải quyết vấn đề
- D.học xã hội
- Câu 7. Hình thức học tập ở hình bên là



- A.in vết
- B.liên kết
- C.giải quyết vấn đề
- D.học xã hội
- Câu 8. Hình dưới mô tả hình thức học tập nào ở động vật?



- A.In vết
- B.Học liên hệ
- C.Học cách nhận biết không gian
- D.Quen nhờn

II. Câu hỏi đúng sai:

Câu 1. Khi nói về tập tính của động vật, phát biểu sau đây **sai hay đúng**:

- (1) Tập tính hợp tác không thuộc tập tính xã hội

S
- (2) Pheromone có thể gây ra các tập tính liên quan và không liên quan đến sinh sản

Đ
- (3) Ngày nay con người đã áp dụng hiểu biết về tập tính động vật vào rất nhiều lĩnh vực của đời sống như an ninh, quốc phòng, giải trí,...

Đ
- (4) Quá trình học tập của con người bao gồm hai giai đoạn chính

Đ

Câu 2. Ở loài chim tu hú, thay vì làm tổ, để trứng rồi ấp và chăm con như những loài chim khác, vào mùa sinh sản, chim tu hú cái thường đi tìm tổ chim chích và gửi trứng của mình ở trong đó. Trước khi bỏ đi, tu hú mẹ không quên “tẩm bổ” cho mình bằng một quả trứng chim chích, vừa mới được vài ngày tuổi. Vì trứng chim tu hú khá giống trứng của loài chim chích, khiến chim chích cứ vô tư ấp nở như lẽ tự nhiên. Ngoài ra, thức ăn của tu hú mẹ là các loài sâu có độc tố. Đối với chim tu hú trưởng thành chúng có khả năng miễn nhiễm, tuy vậy ở chim tu hú non còn yếu ớt rất dễ gặp nguy hiểm, thậm chí mất mạng, khi ăn phải loài sâu này. Tìm hiểu về loài chim tú hú và xét các nhận định sau đây:

Mệnh đề	Đúng	Sai
a. Tập tính bẩm sinh của loài chim tú hú là để trứng vào tổ của chim chích và để chim chích ấp trứng thay mình.	☒	
b. Khi nhìn thấy trứng của chim chích, tập tính săn mồi của chim tú hú trở dậy và chúng ăn luôn những quả trứng đó.	☒	

c. Tập tính vị tha đã khiến chim chích vô tư ấp nở trứng của chim tu hú.		x
d. Để và nhờ loài khác nuôi hộ con của mình là việc làm cần thiết để tránh nguy hiểm cho con non	☒	

III. Câu hỏi trả lời ngắn

Câu 1. Cho các nguyên nhân sau: thức ăn, hoạt động sinh sản, thời tiết không thuận lợi và hướng nước chảy. Có bao nhiêu nguyên nhân dẫn đến tập tính di cư ở động vật?

Đáp án là: 3 (thức ăn, hoạt động sinh sản và thời tiết không thuận lợi)

Câu 2. Cho các yếu tố: từ trường trái đất, vị trí mặt trời, vị trí trăng, thành phần hóa học của nước, hướng dòng nước chảy và địa hình. Khi di cư, động vật sống trên cạn định hướng nhờ bao nhiêu yếu tố kể trên?

Đáp án là: 3 (vị trí mặt trời, vị trí trăng và địa hình)

Câu 3. Cho các tập tính: Tìm kiếm bạn tình, tìm tổ, kiếm ăn, ấp trứng và bảo vệ con non. Có bao nhiêu tập tính thuộc tập tính sinh sản?

Đáp án là: 4 (trừ tập tính kiếm ăn)

Câu 4. Cho các tập tính: hợp tác, tìm tổ, thứ bậc, vị tha và chăm sóc con non. Có bao nhiêu tập tính thuộc tập tính xã hội?

Đáp án là: 3 (hợp tác, thứ bậc và vị tha)

Câu 5. Cho các thành phần: thân, sợi trục, sợi nhánh, chùy synapse và eo Ranvier. Hầu hết các neuron được cấu tạo từ bao nhiêu thành phần kể trên?

Câu 6. Khi di cư, động vật sống trên cạn định hướng nhờ bao nhiêu yếu tố sau đây:

1. Vị trí mặt trời
2. Trăng
3. Sao
4. Địa hình
5. Từ trường trái đất
6. Thành phần hóa học của nước
7. Hướng dòng nước chảy

Đáp án: 4 Gồm 1,2,3,4

Câu 7. Có bao nhiêu ví dụ KHÔNG thuộc về tập tính bẩm sinh ?

1. Nhện thực hiện rất nhiều động tác nối tiếp để tạo thành tấm lưới
2. Tinh tinh lấy đá để đập quả dâu cọ
3. Chấm đỏ trên mỏ chim hải âu mẹ kích thích chim non ăn mồi
4. Gà con chạy trốn khi thấy đám đen trên đầu sà xuống đất

Đáp án: 1 (2)

Câu 8. Có bao nhiêu ý đúng đúng khi nói về tập tính của động vật ?

- (1) Tập tính học được là tập tính đặc trưng cho loài đó
- (2) Tập tính kiếm ăn có vai trò quan trọng hàng đầu đối với sự sinh tồn của động vật
- (3) Tập tính sinh sản và tập tính xã hội có thể bao gồm nhiều tập tính nhỏ khác
- (4) Mỗi loài có một phạm vi bảo vệ lãnh thổ nhất định khác nhau

Đáp án: 3 (2,3,4)

Câu 9. Có bao nhiêu ý đúng khi nói về tập tính của động vật ?

- (1) Tập tính là những hành động của động vật trả lời lại kích thích từ môi trường bên trong
- (2) Tập tính đảm bảo cho sự thành công của sinh sản
- (3) Việc hình thành một số tập tính không liên quan đến hệ thần kinh
- (4) Tập tính bẩm sinh là tập tính sinh ra đã có, không đặc trưng cho loài

Đáp án: 1 (2)

Câu 10. Có bao nhiêu nhận định sau đây chứng minh ở động vật không xương sống có rất ít tập tính học được?

- (1) Động vật không xương sống sống trong môi trường đơn giản.
- (2) Động vật không xương sống có tuổi thọ ngắn.
- (3) Động vật không xương sống không thể hình thành mối liên hệ giữa các neuron.
- (4) Động vật không xương sống có hệ thần kinh kém phát triển.

Đáp án: 2 Gồm 2,4

Câu 11. Trong các tập tính sau đây, có bao nhiêu tập tính bẩm sinh?

- (1) Tò vò đào hố trên mặt đất để làm tổ sinh sản.
- (2) Khi tham gia giao thông, thấy tín hiệu đèn đỏ thì dừng lại.
- (3) Mèo săn đuổi chuột để bắt mồi.
- (4) Chuồn chuồn bay thấp thì mưa, bay cao thì nắng, bay vừa trời râm.
- (5) Ve kêu vào mùa hè.
- (6) Chuột nghe tiếng mèo thì bỏ chạy.

(7) Ếch kêu vào mùa sinh sản.

Đáp án: 4 (1234)

Câu 12. Trong các nguyên nhân sau đây, có bao nhiêu nguyên nhân dẫn đến tập tính di cư ở động vật?

(1) Thức ăn. (2) Hoạt động sinh sản. (3) Hướng nước chảy. (4) Thời tiết không thuận lợi.

Đáp án: 3 Gồm 1,2,4

BÀI 19- KHÁI QUÁT VỀ SINH TRƯỞNG VÀ PHÁT TRIỂN Ở SINH VẬT

I. Câu hỏi trắc nghiệm nhiều lựa chọn

1. Mức độ nhận biết

Câu 1. Sinh trưởng ở sinh vật là

- A. sự tăng về khối lượng và cấu trúc của các cơ quan. B. sự tăng về khối lượng và kích thước của các cơ quan.
C. sự tăng về cấu trúc và chức năng của các cơ quan. D. sự biến đổi về cấu trúc và chức năng của các cơ quan.

Câu 2. Phát triển là

- A. sự biến đổi về khối lượng và kích thước của tế bào, mô, cơ quan và cơ thể, diễn ra trong quá trình sống của sinh vật.
B. sự biến đổi về khối lượng và cấu trúc của tế bào, mô, cơ quan và cơ thể, diễn ra trong quá trình sống của sinh vật.
C. sự biến đổi về cấu trúc và chức năng của tế bào, mô, cơ quan và cơ thể, diễn ra trong quá trình sống của sinh vật.
D. sự biến đổi về khối lượng và chức năng của tế bào, mô, cơ quan và cơ thể, diễn ra trong quá trình sống của sinh vật.

Câu 3: Phát triển cơ thể biểu hiện qua mấy quá trình liên quan?

- A. 4 B. 2 C. 3 D. 1

Câu 4: thời gian sống (thời gian tồn tại) của một loài sinh vật hoặc con người là

- A. Tuổi đời B. Chu kỳ chết C. Tuổi thọ D. Vòng đời

Câu 5. Điền từ còn thiếu vào chỗ trống: Tuổi thọ của một loài sinh vật là thời gian sống ... của các cá thể trong loài.

- A. trung bình B. ít nhất C. lâu nhất D. khác nhau

Câu 6. Khoảng thời gian tính từ khi cơ thể được sinh ra, lớn lên, phát triển thành cơ thể trưởng thành, sinh sản tạo ra cá thể mới, già đi rồi chết được gọi là

- A. Tuổi đời B. Chu kỳ chết C. Tuổi thọ D. Vòng đời

Câu 7. Yếu tố bên trong tác động nhất định đến tuổi thọ là

- A. chế độ ăn B. lối sống C. di truyền D. môi trường sống

Câu 8. Dấu hiệu đặc trưng của quá trình sinh trưởng ở thực vật là

- A. quá trình tăng số lượng tế bào, tổng hợp và tích lũy tế bào chất.
B. quá trình tăng cả số lượng, kích thước và khối lượng tế bào.
C. sinh trưởng, phân hóa tế bào và phát sinh hình thái cơ quan, cơ thể là đặc trưng của quá trình phát triển.
D. sinh trưởng giúp các tế bào chuyên hóa về mặt chức năng.

Câu 9. Yếu tố không phải là yếu tố bên ngoài ảnh hưởng đến tuổi thọ của con người là

- A. yếu tố di truyền B. chế độ ăn uống C. tập luyện thể dục, thể thao D. môi trường sống

Câu 11. Phát sinh hình thái cơ quan là đặc trưng cơ bản của quá trình

- A. sinh trưởng. B. phát triển. C. sinh sản. D. biệt hóa.

2. Mức độ hiểu

Câu 1. Điều nào sau đây đúng với sinh trưởng ở sinh vật?

- A. Sinh trưởng là sự tăng về khối lượng và cấu trúc của các cơ quan.
B. Sinh trưởng là sự tăng về khối lượng và kích thước của các cơ quan.
C. Sinh trưởng là sự tăng về cấu trúc và chức năng của các cơ quan.
D. Sinh trưởng là sự biến đổi về cấu trúc và chức năng của các cơ quan.

Câu 2. Thứ tự đúng về vòng đời của các loài sinh sản hữu tính

1. Phôi 2. Hợp tử 3. Con non hoặc cây non 4. Cá thể trưởng thành 5. Cá thể chết
A. 1 → 2 → 3 → 4 → 5 B. 2 → 1 → 3 → 4 → 5 C. 2 → 1 → 4 → 3 → 5 D. 1 → 2 → 4 → 3 → 5

Câu 3. Điều đúng khi nói về vòng đời của cá thể sinh sản vô tính là:

- A. Bắt đầu từ hợp tử B. Theo hình thức nguyên phân
C. Trải qua các giai đoạn phôi D. cây non có khả năng sinh sản

Câu 4. Nối cột:

A. Các tế bào phôi phân hoá tạo thành lá mầm.	1. Giai đoạn phân hóa tế bào và phát sinh hình thái cơ quan, cơ thể
B. Một nhóm tế bào phân hoá hình thành hoa	2. Giai đoạn phân hoá tế bào
C. Cây non lớn lên thành cây trưởng thành	3. Giai đoạn sinh trưởng

- A. 1C, 2A, 3B B. 1B, 2A, 3C C. 1A, 2C, 3B D. 1A, 2B, 3C

Câu 5. Phát biểu đúng khi nói về mối quan hệ giữa sinh trưởng và phát triển là:

1. Sinh trưởng và phát triển có mối liên hệ chặt chẽ với nhau.
2. Phát triển tạo tiền đề cho sinh trưởng và ngược lại.
3. Phát triển là điều kiện thúc đẩy sự sinh trưởng.

A. (1).

B. (1), (2).

C. (1), (3).

D. (1), (2), (3).

3. Mức độ vận dụng

Câu 1. Phát biểu không đúng khi nói về ứng dụng hiểu biết về vòng đời của sinh vật?

- A. Hiểu biết vòng đời của cây để đưa ra các biện pháp chăm sóc phù hợp với từng giai đoạn như bón phân, tưới nước, phòng dịch bệnh,...
- B. Giúp thu được hiệu quả kinh tế cao nhất.
- C. Hiểu biết về vòng đời của động vật có lợi cho thực vật, động vật và người để đưa ra các biện pháp phòng chống một cách hiệu quả.
- D. Hiểu biết vòng đời của động vật để đưa ra các biện pháp chăm sóc phù hợp với từng giai đoạn để thu về thịt, trứng, sữa.

Câu 2. Biến đổi diễn ra trong đời sống của con ếch thể hiện sự phát triển là

- A. mất tiêu biến khi lên bờ.
- B. da ếch trần, mềm, ẩm thích nghi với môi trường sống.
- C. hình thành vây bơi để bơi dưới nước.
- D. từ ấu trùng có đuôi (nòng nọc) rụng đuôi và trở thành ếch trưởng thành.

Câu 3. Điều nào sau đây tác động làm giảm tuổi thọ con người?

- A. Ăn nhiều trái cây, rau củ, các loại hạt
- B. Thái độ sống tích cực, lạc quan
- C. Nghiện rượu, bia
- D. Không khí trong lành

Câu 4. Làm cơ thể linh hoạt, dẻo dai, các hệ cơ quan khỏe mạnh là tác động của yếu tố nào đến tuổi thọ?

- A. Chế độ ăn
- B. Lối sống
- C. Tập luyện
- D. Môi trường sống

II. Trắc nghiệm đúng – sai:

1. Mức độ nhận biết

Câu 1: Các nhận định sau đây đúng hay sai khi nói về dấu hiệu đặc trưng của phát triển ở sinh vật là:

1. Sự phát triển của các cơ quan trong cơ thể có thời điểm bắt đầu giống nhau. (S)
2. Quá trình phát triển chỉ được điều hoà bởi các yếu tố bên trong. (S)
3. Sự phát triển của các hệ cơ quan trong cơ thể có tốc độ khác nhau tùy theo từng giai đoạn. (Đ)
4. Dấu hiệu đặc trưng của phát triển ở sinh vật là tăng tế bào. (S)

3. Mức độ vận dụng

Câu 1. Ở một số loài chim, chim đực đậu trên cành cây cao và cất tiếng hót thông báo cho các con chim đực khác cùng loài biết khu vực này đã có chủ. Đây là dạng tập tính bảo vệ lãnh thổ. (Đ)

Câu 2.

1. Tinh tinh biết xếp chồng các hộp lên nhau và trèo lên hộp để lấy chuối là học nhận biết và giải quyết vấn đề (Đ)
2. Vừa bắt đèn, vừa cho chó ăn, sau nhiều lần lặp lại thì sau đó chỉ cần bắt đèn chó đã chạy lại và chảy nước bọt là học xã hội (S)
3. Ong bắp cày quan sát và ghi nhớ các “cột mốc” quanh tổ của mình trước khi chúng bay đi kiếm ăn là học liên hệ (S)
4. Vịt con mới nở sẽ đi theo vịt mẹ hoặc chủ lò ấp hoặc vật chuyển động đầu tiên chúng nhìn thấy là in vết (Đ)
5. Tinh tinh con quan sát cách bẻ hạt cọ dầu của con trưởng thành khác là học xã hội (Đ)
6. Doạ phạt trẻ em khi chúng làm sai nhưng không thực hiện, nhiều lần sẽ không làm chúng sợ nữa là quen nhờn (Đ)

III. Câu hỏi trả lời ngắn

1. Mức độ nhận biết

Câu 1. Trình bày các dấu hiệu đặc trưng của sinh trưởng và phát triển?

Đáp án:

- Các dấu hiệu đặc trưng của sinh trưởng là tăng số lượng, kích thước và khối lượng tế bào.
- Các dấu hiệu đặc trưng của phát triển là:
- + Sinh trưởng: tăng số lượng, kích thước và khối lượng tế bào.
- + Phân hoá tế bào: quá trình các tế bào thay đổi cấu trúc và chuyên hoá chức năng.
- + Phát sinh hình thái cơ quan, cơ thể: Thông qua quá trình phát sinh hình thái mà cơ quan, cơ thể có được hình dạng và chức năng sinh lý nhất định.

Câu 2. Các yếu tố ảnh hưởng đến tuổi thọ.....

BÀI 20- SINH TRƯỞNG VÀ PHÁT TRIỂN Ở THỰC VẬT

I. Trắc nghiệm nhiều lựa chọn

1. Mức độ nhận biết

Câu 1: Sinh trưởng thứ cấp làm....

- A. tăng đường kính của cây Một lá mầm. B. tăng chiều dài của cây Một lá mầm và cây Hai lá mầm.
C. tăng chiều dài lông của cây Một lá mầm. D. tăng đường kính của cây Hai lá mầm.

Câu 2: Gibêrelin có vai trò:

- A. làm tăng số lần nguyên phân, chiều dài của tế bào và chiều dài thân.
B. làm giảm số lần nguyên phân, chiều dài của tế bào và chiều dài thân.
C. làm tăng số lần nguyên phân, giảm chiều dài của tế bào và tăng chiều dài thân.
D. làm tăng số lần nguyên phân, chiều dài của tế bào và giảm chiều dài thân.

Câu 3: Xitôkinin chủ yếu sinh ra ở:

- A. chủ yếu ở đỉnh thân, cành và rễ. B. tế bào đang phân chia ở lá, cành.
C. tế bào đang phân chia ở rễ, hạt, quả. D. tế bào đang phân chia ở thân, cành.

Câu 4: Êtylen có vai trò

- A. thúc quả chóng chín, ức chế rụng lá và rụng quả. B. thúc quả chóng chín, rụng quả, kìm hãm rụng lá.
C. thúc quả chóng chín, rụng lá kìm hãm rụng quả. D. thúc quả chóng chín, rụng lá, rụng quả.

Câu 5: Những hoocmôn thực vật thuộc nhóm kích thích sinh trưởng là:

- A. Auxin, Gibêrelin, xitôkinin. B. Auxin, Etylen, absixic acid.
C. Auxin, Gibêrelin, Axit absixic. D. Auxin, Gibêrelin, ethylen.

Câu 6: Các cây ngày ngắn là:

- A. thực dược, đậu tương, vừng, gai dầu, mía. B. cà chua, lạc, đậu, ngô, hướng dương.
C. thanh long, cà tím, cà phê ngô, hướng dương. D. hành, cà rốt, rau diếp, sen cạn, củ cải đường.

2. Mức độ hiểu

Câu 8: Mô phân sinh đỉnh **không** có ở vị trí nào của cây?

- A. Ở đỉnh rễ. B. Ở thân. C. Ở chồi nách. D. Ở chồi đỉnh.

Câu 9: Đặc điểm nào **không** có ở sinh trưởng thứ cấp?

- A. Làm tăng kích thước chiều ngang của cây. B. Chỉ diễn ra chủ yếu ở cây một lá mầm.
C. Diễn ra hoạt động của tầng sinh mạch. D. Diễn ra hoạt động của tầng sinh bản (vỏ).

Câu 10: Trên mặt cắt ngang của thân cây gỗ có nét hoa văn vì:

- A. do các vòng gỗ có màu khác nhau. B. do trên mặt cắt ngang có vòng năm.
C. do các tế bào sinh trưởng khác nhau. D. do cấu trúc của thân cây gỗ.

Câu 11 : Cho các cơ quan sau

- 1) Chồi 2) Hạt đang nảy mầm 3) Lá đang sinh trưởng
4) Thân 5) Tầng phân sinh bên đang hoạt động 6) Nhị hoa

Auxin có nhiều trong

- A. (1), (2), (3), (5) và (6) B. (1), (2), (3), (4) và (5) C. (1), (2), (4), (5) và (6) D. (1), (2), (3), (4) và (6)

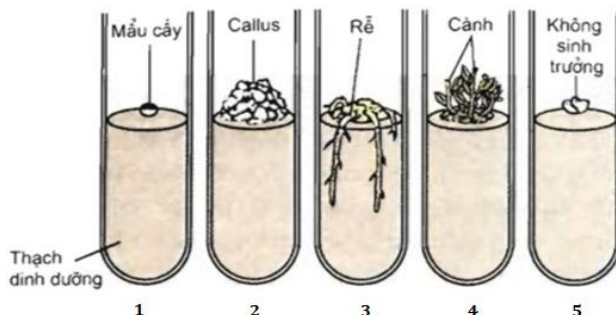
3. Mức độ vận dụng

Câu 12: Những cây không có sinh trưởng thứ cấp là:

- A. ngô, lúa, đậu tương. B. khoai lang, ổi, xoài. C. đậu phộng, táo, xà cừ. D. vừng, mía, lim.

II. Câu hỏi đúng sai:

Câu 1. Để nghiên cứu ảnh hưởng của hormone thực vật ảnh hưởng đến sự hình thành chồi ở mô sẹo trong nuôi cấy mô thực vật, người ta tiến hành nuôi mẫu cấy ống số (1) trên môi trường thạch dinh dưỡng có bổ sung hormone auxin và cytokinin, các ống nghiệm (2), (3), (4), (5) lần lượt là các kết quả khác nhau khi thay đổi hàm lượng giữa hai hormone auxin và cytokinin, mỗi nhận định sau đây là Đúng hay Sai khi nói về thí nghiệm này?



Ý	Mệnh đề	Đúng	Sai
a.	Ở ống (2) tỉ lệ auxin lớn hơn cytokinin dẫn đến xuất hiện mô sẹo (callus).	Đ	

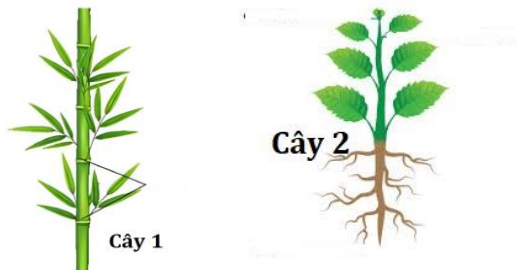
b.	Ố ống (3) cytokinin có tỉ lệ cao hơn auxin làm kích thích sự phát triển của rễ.		S
c.	Ố ống (4) auxin có tỉ lệ cao hơn cytokinin kích thích sự phát triển của chồi bên và tạo sự phân hóa chồi.		S
d.	Ố ống (5) không có mặt auxin và có một lượng nhỏ cytokinin dẫn đến không sinh trưởng.	Đ	

Câu 2. Hình dưới mô tả sự sinh trưởng và phát triển của cây chanh. Hãy cho biết mỗi nhận định sau đây là Đúng hay Sai ?



Ý	Mệnh đề	Đúng	Sai
a.	Hình (A) mô tả giai đoạn non trẻ, hình (B) mô tả giai đoạn trưởng thành.	Đ	
b.	Các giai đoạn trong vòng đời của cây chanh: cây con, cây trưởng thành, ra hoa, kết quả.		S
c.	Quá trình sinh trưởng và phát triển diễn ra trong suốt đời sống của thực vật do sự phân chia liên tục của các tế bào tại các mô phân sinh.	Đ	
d.	Sự lớn lên của cây chanh do sự phân chia của mô phân sinh lóng.		S

Câu 3. Hình bên mô tả hai loài thực vật, mỗi nhận định sau là Đúng hay Sai khi nói về sự sinh trưởng của hai loài này



Ý	Mệnh đề	Đúng	Sai
a.	Cây 1 là cây một lá mầm chỉ có sinh trưởng thứ cấp.	S	
b.	Cây 2 là cây hai lá mầm vừa có sinh trưởng thứ cấp, vừa có sinh trưởng sơ cấp.	Đ	
c.	Sinh trưởng thứ cấp ở cây 2 tham gia vào quá trình tạo ra mạch rây và mạch gỗ.		s
d.	Cây 2 có ba loại mô phân sinh đỉnh gồm: chồi ngọn, chồi bên và rễ	Đ	

Câu 4. Bầu, tên khoa học *Lagenaria siceraria*, là một loài thực vật có hoa trong họ Bầu bí (Cucurbitaceae). Loài này được (Molina) Standl. miêu tả khoa học đầu tiên năm 1930. Dây leo thân thảo có tua cuốn phân nhánh, phủ nhiều lông mềm màu trắng. Lá hình tim rộng, không xẻ thùy hoặc xẻ thùy rộng, có lông mịn như nhung màu trắng; cuống có 2 tuyến ở đỉnh. Hoa đơn tính cùng gốc, to, màu trắng, có cuống hoa dài tới 20 cm. Quả mọng màu xanh dợt hay đậm, có hình dạng khác nhau hoặc tròn, dài thẳng hoặc thắt eo, vỏ già cứng hoá gỗ, thịt trắng. Hạt trắng, dài 1,5 cm. Khi cây bầu có độ cao nhất định thì người ta tiến hành bấm ngọn cây, mỗi nhận định sau là Đúng hay Sai khi nói về kỹ thuật này



Ý	Mệnh đề	Đúng	Sai
a.	Bấm ngọn cây bầu nhằm mục đích tăng năng suất cho cây bầu.	Đ	
b.	Bấm ngọn cây bầu để giảm bớt hàm lượng auxin (là một hormone kích thích sinh trưởng) trong ngọn cây.	Đ	
c.	Bấm ngọn cây bầu để kích thích sự phát triển của chồi bên làm tăng số lượng cành của cây.	Đ	
d.	Bấm ngọn cây bầu để hạn chế sự vươn dài của ngọn, giúp bố trí bầu leo dàn một cách hợp lí.	Đ	

III. Câu hỏi trả lời ngắn

Câu 1. Cho các hormone: Auxin, abscisic acid, cytokinin, gibberelin và ethylene. Có bao nhiêu hormone kích thích sinh trưởng của cơ thể thực vật?

Đáp án là: 3 (Auxin, cytokinin, gibberelin)

Câu 2. Cho các chất sau: cytokinin, phytochrome, ethylene, gibberelin và auxin. Có bao nhiêu chất tác dụng kích thích sự ra hoa của cây?

Đáp án là: 2 (phytochrome, và gibberelin)

Câu 3. Nhiệt độ tối ưu tối đa với sinh trưởng và phát triển thực vật thường ở khoảng nào với cây nhiệt đới?

Đáp án: 30

Câu 4. Ở thực vật có bao nhiêu loại mô phân sinh ?

Đáp án : 3

Câu 5. Ở thực vật có bao nhiêu kiểu sinh trưởng?

Đáp án : 2

Câu 6. Auxin chủ yếu sinh ra ở bao nhiêu bộ phận trong các bộ phận sau: cuống lá, thân, cành, tế bào đang phân chia ở rễ, đỉnh của thân, tế bào đang phân chia ở quả, đỉnh cành?

Đáp án : 2 (đỉnh của thân, đỉnh cành)

Câu 7. Gibberelin được sinh ra chủ yếu từ bao nhiêu bộ phận trong các bộ phận sau: lục lạp, đỉnh cành, phôi hạt, quả, đỉnh lá, cuống lá, thân, chóp rễ ?

Đáp án: 3 (lục lạp, phôi hạt, chóp rễ)

Câu 8. Dựa vào hình vẽ gốc cây bị cắt ngang hãy cho biết cây này bao nhiêu tuổi ?

Đáp án : 12



Câu 9. Trong các hormone sau: auxin, cytokinin, gibberelin, ethylene, Có bao nhiêu hormone không giữ vai trò quyết định trong sự ra hoa của thực vật ?

Đáp án: 3 (auxin, cytokinin, etilen)

Câu 10. Cytokinin chủ yếu sinh ra ở bao nhiêu bộ phận trong các bộ phận sau: cuống lá, thân, cành, tế bào đang phân chia ở rễ, đỉnh của thân, tế bào đang phân chia ở quả, đỉnh cành?

Đáp án: 2 (tế bào đang phân chia ở rễ, tế bào đang phân chia ở quả)